

Số: 119/BC-BQLKKT

Kon Tum, ngày 09 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO

Về việc tổng hợp và giải trình tiếp thu ý kiến vào dự thảo Đề án thu phí các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Thực hiện Công văn số 1739/VP-KTTH ngày 08/12/2015 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phí bến bãi tại cửa khẩu Bờ Y.

Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tham mưu xây dựng dự thảo Đề án thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, gửi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan¹.

Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh báo cáo tổng hợp tiếp thu và giải trình các ý kiến tham gia góp ý đối với dự thảo Đề án như sau:

I. Tổng số cơ quan lấy ý kiến: 15 cơ quan (gồm 02 lần lấy ý kiến: Lần 1 lấy ý kiến 15 cơ quan; lần 2 lấy ý kiến 02 cơ quan).

II. Tổng số cơ quan có ý kiến tham gia: 10 cơ quan

III. Tiếp thu và giải trình các ý kiến tham gia cụ thể:

1. Lấy ý kiến tham gia lần 1:

1.1. Về phương án thu phí: Dự thảo Đề án đưa ra 3 phương án:

a) Phương án 1:

Xây dựng mức thu phí theo chi phí đã đầu tư kết cấu hạ tầng (tính theo mức thu hồi vốn đầu tư hạ tầng giao thông tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y).

- Tổng chi phí đã đầu tư đến năm 2015: 439 tỷ đồng (Có phụ lục kèm theo)

- Mức khấu hao tài sản hàng năm (Tính bằng 3%/năm theo Thông tư 178/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Tài chính) là: 13,169 tỷ đồng.

- Lượng phương tiện ra, vào Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y năm 2015 là: 60.359 lượt.

¹ Công văn số 70/BQLKKT-KHTH, Ngày 29/02/2016; Công văn số 215/BQLKKT-KHTH ngày 11/5/2016.

- Nếu tính theo phương pháp khấu hao để thu hồi dần toàn bộ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng ngân sách nhà nước đã đầu tư, thì mức thu phí tính bình quân đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu khoảng 218.000 đồng/lượt phương tiện.

b) Phương án 2:

Tham khảo mức thu phí bình quân tại một số cửa khẩu biên giới đất liền khác (ĐVT: đồng/lượt phương tiện) như sau:

- Cửa khẩu Móng Cái, Hoàn Mô (Quảng Ninh): 93.000 đồng.
- Cửa khẩu Cha Lo, Cà Ròng (Quảng Bình): 160.000 đồng.
- Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị): 70.000 đồng.
- Cửa khẩu Mộc Bài, Mát Xa (Tây Ninh): 240.000 đồng.
- Mức thu bình quân cho cả 4 địa bàn trên: 140.000 đồng.

c) Phương án 3:

Trên cơ sở tham khảo mức thu phí do Bộ Tài chính qui định tại Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 về Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ. Mức thu phí bình quân: 73.000 đồng/lượt phương tiện. Mức thu phí này nằm trong khung mức thu các địa phương khác đã thu, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các tổ chức, cá nhân qua lại cửa khẩu quốc tế Bờ Y, cụ thể:

ĐVT: Đồng/xe/lượt qua cửa khẩu

STT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu phí
1	Xe chở khách dưới 12 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng dưới 2 tấn.	50.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn.	70.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	85.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20fit:	140.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng Container 40fit:	200.000

* Ban quản lý Khu kinh tế đề xuất lựa chọn và lấy ý kiến Phương án 3.

* Kết quả có 10/10 cơ quan góp ý đều thống nhất chọn **Phương án 3**.

1.2. Thống nhất như dự thảo có 5 cơ quan: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Trạm kiểm dịch động vật Bờ

Y, Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum

1.3. Các ý kiến góp ý khác, gồm:

a) Sở Tài chính đề nghị:

- Về đối tượng miễn nộp phí: Đề nghị nêu cụ thể danh mục xe được miễn nộp phí, không ghi sẽ khó khăn khi triển khai áp dụng thu phí.

- Về phân bổ nguồn thu phí: Dự toán chi phục vụ hoạt động thu phí 787 triệu đồng/năm, đơn vị chưa tính chi phí đóng BHXH, BHYT cho các đối tượng lao động hợp đồng từ 3 tháng trở lên và các khoản chi phí khác (nếu có).

Ban Quản lý Khu kinh tế đã tiếp thu các ý kiến trên và chỉnh sửa, bổ sung.

b) Cục thuế tỉnh: Đề nghị sửa Nghị định số 24/2004/NĐ-CP ngày 06/3/2006 **thành** Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 trong phần căn cứ pháp lý để ban hành phí.

Ban Quản lý Khu kinh tế đã tiếp thu, chỉnh sửa.

c) Sở Công Thương: Đề nghị nên sửa lại bố cục của đề án. Ban quản lý Khu kinh tế đã làm việc cụ thể với Sở Tài chính và thống nhất giữ nguyên như bố cục của dự thảo.

d) Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn:

Đề nghị các mức giá thu phí mà Ban quản lý Khu kinh tế áp dụng là khung tối đa là chưa phù hợp với lộ trình của Thông tư số 159/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đồng thời trong điều kiện kinh tế của người dân trên địa bàn tỉnh Kon tum còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khu vực biên giới, do đó mức thu cần xác định lại để phù hợp thực tế và được người dân đồng thuận.

Ban Quản lý Khu kinh tế xin giải trình như sau:

- Thông tư số 159/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ghi là *Năm 2016 trở đi mức thu thực hiện theo khung mức thu nêu trên*, như vậy mức thu trên là phù hợp lộ trình của Thông tư 159/2013/TT-BTC.

- Đối tượng thu là các tổ chức cá nhân có phương tiện ra vào cửa khẩu (hầu hết là phương tiện tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh là những đối tượng có điều kiện) người dân trong tỉnh có điều kiện khó khăn hầu như không có hoạt động này nên rất ít ảnh hưởng.

- Đưa ra mức thu tối đa nhằm tạo thêm nguồn thu góp một phần vào ngân sách tỉnh để tham gia tái đầu tư, sửa chữa các công trình trong Khu kinh tế...

đ) Sở Tư pháp:

- Ý kiến "*phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Quốc tế Bờ Y*" không nằm trong danh mục phí, lệ phí được quy định tại các văn bản. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh giải trình như sau:

+ Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, đối tượng chịu phí là các loại phương tiện giao

thông (Xe) ra vào cửa khẩu sử dụng kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế (là các đường giao thông 2 bên cửa khẩu), như vậy phí này là loại phí sử dụng giao thông, hiện nay giao thông 2 bên cửa khẩu là do tỉnh quản lý.

Áp dụng khoản 1 mục IV Danh mục phí ban hành kèm theo Thông tư 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí thì loại phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh là phù hợp và đã có trong danh mục Phí và Lệ phí.

+ Mặt khác loại phí này đã được Thủ tướng Chính phủ qui định rõ trong Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu và Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu, tại Khoản 6, Điều 10 nêu rõ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu quyết định cụ thể mức thu và việc quản lý, sử dụng tiền phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng” (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình theo hướng dẫn tại Điều này và quy định của pháp luật phí và lệ phí). Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu), công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu kinh tế cửa khẩu thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định tại Khoản 25 Điều 1 Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính “*Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”;

- Về ý kiến: Trong trường hợp không có doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội thuộc khu kinh tế cửa khẩu mới giao việc thu phí cho Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Ban quản lý có ý kiến như sau:

Các tuyến giao thông ra vào 2 bên cửa khẩu quốc tế Bờ Y là do ngân sách nhà nước đầu tư, chưa có doanh nghiệp nào đầu tư kinh doanh do vậy việc giao cho Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y là phù hợp với Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh sẽ bổ sung nội dung này vào đề án.

- Các ý kiến khác: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Đề án.

2. Lấy ý kiến tham gia lần 2:

Trong quá trình chờ UBND tỉnh cho ý kiến về Dự thảo Đề án thu phí đã trình, Ban quản lý Khu kinh tế tham khảo thêm mức thu phí tại một số Khu kinh tế cửa khẩu khác và đã đề xuất điều chỉnh phương án thu phí đã lựa chọn trong dự thảo Đề án đã trình. Ban quản lý đã lấy ý kiến tham gia của 02 cơ quan là Sở Tài chính và Sở Tư Pháp.

Cụ thể nội dung điều chỉnh như sau:

2.1. Các phương án đề xuất:

a) Phương án 1: Xây dựng mức thu phí theo chi phí đã đầu tư kết cấu hạ tầng:

- Tổng chi phí cần thu: 23 tỷ đồng/năm để bù đắp các khoản sau:

+ Tổng chi phí đã đầu tư đến năm 2015: 439 tỷ đồng; Mức khấu hao tài sản hàng năm (Tính bằng 3%/năm theo Thông tư 178/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Tài chính) là: 13,169 tỷ đồng (để tái đầu tư trở lại).

+ Chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ và tái tạo các công trình kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, chi cho hoạt động của bộ phận thu phí khoảng 10 tỷ đồng/năm.

- Lượng phương tiện ra, vào Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y năm 2015 là: 60.359 lượt.

- Trên cơ sở đó xác định mức thu phí và dự kiến số thu phí tính theo số lượng phương tiện thực tế xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y năm 2015 như sau:

ĐVT: 1000 đồng/xe/lượt qua cửa khẩu.

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức thu phí xác định	Số lượng phương tiện năm 2015	Dự kiến số thu phí
I	Xe chở khách, chở hàng hóa thông thường			
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 chỗ ngồi; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 2 tấn	50	3000	150.000
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	70	3.000	210.000
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	100	9.100	910.000

4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	200	13.700	2.740.000
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	300	21.600	6.480.000
	Cộng I		50.400	10.850.000
II	Phương tiện (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) chở gỗ nhập khẩu, chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh ...	Bảng 5 lần mức thu phí tại Mục I		
1	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	1.000	4.400	4.400.000
2	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	1.500	5.600	8.400.000
	Cộng II		10.000	12.800.000
	Tổng cộng I + II		60.400	23.650.000

b) Phương án 2:

- Tham khảo mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào tại các cửa khẩu biên giới đất liền khác có tính chất tương đồng hiện nay đang áp dụng như: Cửa khẩu Móng Cái, Hoàn Mô (tỉnh Quảng Ninh); cửa khẩu Cha Lo, Cà Roòng (tỉnh Quảng Bình); cửa khẩu Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị); cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát (tỉnh Tây Ninh); cửa khẩu Ma Lù Thàng (tỉnh Lai Châu).

- Xác định mức thu phí và dự kiến số thu phí tính theo số lượng phương tiện thực tế xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y năm 2015 như sau:

DVT: 1000 đồng/xe/lượt qua cửa khẩu.

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức thu phí xác định	Số lượng phương tiện năm 2015	Dự kiến số thu phí
I	Xe chở khách, chở hàng hóa thông thường			
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 chỗ ngồi; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 2 tấn	70	3.000	210.000
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	100	3.000	300.000
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.	200	9.100	1.820.000
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	400	13.700	5.480.000
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	600	21.600	12.960.000
	Cộng I		50.400	20.770.000
II	Phương tiện (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) chở gỗ nhập khẩu, chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa	Bảng 5 lần mức thu phí tại Mục I		

	quá cảnh ...			
1	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	2.000	4.400	8.800.000
2	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	3.000	5.600	16.800.000
	Cộng II		10.000	25.600.000
	Tổng cộng I + II		60.400	46.370.000

c) Phương án 3:

- Tham khảo mức thu phí do Bộ Tài chính qui định tại Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 về Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ.

- Xác định mức thu phí và dự kiến số thu phí tính theo số lượng phương tiện thực tế xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y năm 2015 như sau:

DVT: 1000 đồng/xe/lượt qua cửa khẩu.

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức thu theo Thông tư 159	Mức thu phí xác định	Số lượng phương tiện năm 2015	Dự kiến số thu phí
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 ghế ngồi; xe ô tô tải có tải trọng dưới 2 tấn.	15 - 52	50	3.000	150.000
2	Xe ô tô chở khách đến 30 chỗ ngồi; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	20 - 70	70	3.000	210.000
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng	25 - 87	85	9.100	773.500

	thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn.				
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	40 - 140	140	18.100	2.534.000
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	80 - 200	200	27.200	5.440.000
	Cộng			60.400	9.107.500

* Ban quản lý Khu kinh tế đề xuất lựa chọn Phương án 2 và gửi lấy ý kiến 02 cơ quan (Sở Tài chính và Sở Tư pháp).

2.2. Kết quả: Có 02/02 cơ quan góp ý. Ban quản lý Khu kinh tế tổng hợp và giải trình các ý kiến như sau:

a) Sở Tư pháp:

- Mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu kinh tế cửa khẩu nói chung và đối với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y nói riêng chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương qui định.

- Việc điều chỉnh lựa chọn Phương án thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, đề nghị Ban quản lý Khu kinh tế phối hợp Sở Tài chính tham khảo.

Ban quản lý Khu kinh tế đã tiếp thu và phối hợp với Sở Tài chính để bổ sung, điều chỉnh mức thu trong dự thảo Đề án.

b) Sở Tài chính:

- Đề nghị bổ sung thêm qui định mức thu phí đối với xe chở khách dưới 12 chỗ ngồi và xe có tải trọng dưới 02 tấn cho phù hợp.

Ban quản lý đã tiếp thu và chỉnh sửa Đề án;

- Đề nghị điều chỉnh lại khoảng cách thang mức thu phí tiếp theo đối với các nhóm phương tiện vận tải cho phù hợp để thu hút, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân vận chuyên hàng hóa, hành khách ra, vào cửa khẩu.

Ban quản lý giải trình như sau: Khoảng cách thang mức thu phí tại phương án lựa chọn được xây dựng trên cơ sở tham khảo khoảng cách thang mức thu thực tế hiện nay đang áp dụng tại các cửa khẩu khác theo hướng bằng và thấp hơn, có nơi khoảng cách mức thu còn cao hơn (Tỉnh Lạng Sơn).

- Với phương án đã chọn (Phương án 2), dự kiến số thu phí 46 tỷ đồng/năm, đề nghị đơn vị xây dựng Dự toán chi phục vụ cho hoạt động thu phí, trên cơ sở đó đề xuất tỷ lệ % được để lại phục vụ cho hoạt động thu phí phù hợp, đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ cơ sở để trình UBND – HĐND tỉnh.

Ban quản lý đã tiếp thu, bổ sung vào Dự thảo Đề án.

- Đề nghị đơn vị tiếp tục lấy ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, địa phương có liên quan (Cục Hải quan Gia Lai – Kon Tum, Sở Giao thông – Vận Tải, Sở Kế hoạch – Đầu tư, Sở Công Thương, UBND huyện Ngọc Hồi, ...) để tổng hợp hoàn chỉnh Đề án thu phí báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

Ban quản lý giải trình như sau: Theo ý kiến của các sở, ngành và các huyện có liên quan đã tham gia lần 1, tất cả đều thống nhất với việc thực hiện thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Riêng về mức thu, theo ý kiến của Sở Tư pháp đề nghị Ban quản lý Khu kinh tế phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, tính toán cụ thể tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp với thực tế địa phương.

Việc thay đổi lựa chọn Phương án 2 chủ yếu là thay đổi về mức thu phí, các nội dung khác của Đề án vẫn giữ nguyên như Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định và Ban quản lý đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-BQLKKT ngày 18/3/2016 của BQL Khu kinh tế. Do đó, Ban quản lý xét thấy chỉ lấy ý kiến Sở Tài chính và Sở Tư pháp là phù hợp.

Trên đây là nội dung tổng hợp các ý kiến tham gia góp ý. Ban Quản lý Khu kinh tế báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- Sở Tư pháp (Thẩm định);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



VŨ MẠNH HẢI

Phụ lục:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC TÍNH VÀO CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỂ THU PHÍ RA, VÀO CỬA KHẨU ĐẾN 31/12/2015

Kiểm-then-Bảo cáo số M9/BC-BQLKKT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt DA		QĐ phê duyệt TDT		Năm hoàn thành	Số vốn đã thanh quyết toán đến năm 31/12/2015	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/12/2015	Ước lượng giá trị khai thác	Ghi chú (tỷ lệ giá trị công trình tính vào chi phí)
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng	Tổng DT					
1	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH	3	4	5	6	7	8	11	12	13=11*14	14
A				1.189.076,90	-	1.057.854,42		1.071.560,67	0,00	438.972	
1	Đường nội bộ Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2003-2008	957/QĐ-UB (19/12/2002)	13.748,52	237/QĐ-BQLKKT (02/11/2008)	11.404,98	2008	11.387,21	0,00	11.387	100%
2	Đường NT 18 Khu KTCKQT Bờ Y	2007-2010	57/QĐ-BQLKKT (28/04/2007)	460.976,88	153/QĐ-BQLKKT (11/11/2009)	460.976,00	2010	483.936,96	0,00	193.575	40%
3	Đường N5 (đoạn nối từ đường NT18 đến đường HCM) Khu KTCKQT Bờ Y	2009-2011	207/QĐ-BQLKKT (06/10/2008)	478.960,47	205/QĐ-BQLKKT (30/12/2009)	398.949,76	2011	425.859,74	0,00	170.344	40%
4	Sửa chữa Quốc lộ 18B, đoạn qua cột mốc 790 (Việt Nam - Lào)	2011	2230/QĐ-SKHĐT, ngày 28/12/2011	883	2230/QĐ-SKHĐT, ngày	883	2011	876	0,00	876	100%
5	Đường Nội bộ Khu TT Khu KTCKQT Bờ Y (Khu I, Khu II, Khu III - KKTCK)	2003-2009	1021/QĐ-UB (27/12/2002)	234.507,61	Nhiều QĐ	185.640,26	2010	149.500,97	0,00	62.790	60%

Tổng chi phí đầu tư tính vào chi phí khai thác 439 tỷ đồng

Mức khấu hao 1 năm = Tổng giá trị đầu tư * 3%/năm = 439 tỷ đồng * 3% = 13,169 tỷ đồng/năm

Mức thu phí bình quân = Mức Khấu hao 1 năm / số lượt phương tiện qua, lại cửa khẩu năm 2015 = 13,169 tỷ đồng / 60.359 = 218.000 đồng/xe/lần qua cửa khẩu

